

**TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. HẢI CHÂU    CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG                      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2021/DS-ST

Ngày: 29 - 11 - 2021

*“Yêu cầu thực hiện  
nghĩa vụ trả tiền”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Đoàn Công Quốc**

*Các Hội thẩm nhân dân:* **1. Ông Huỳnh Thanh Trà**

**2. Ông Nguyễn Xuân Tùng**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Anh Đào** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà **Hà Thị Thu Hiếu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2021/TLST-DS ngày 22/3/2021 về việc tranh chấp “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2021/QĐXXST-DS ngày 11/10/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 13/2021/TB-TA ngày 22/11/2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Doãn T**, sinh năm 1988; Trú tại: đường P, tổ N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

**- Bị đơn:** Bà **Phan Thị A**; Trú tại: đường O, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2021, đơn khởi kiện sửa đổi ngày 08/3/2021, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – ông Nguyễn Doãn T trình bày:*

Đầu năm 2020 ông làm nhà và có nhu cầu mua vật liệu xây dựng, thông qua giới thiệu, ông liên hệ mua vật liệu xây dựng của bà Phan Thị A. Bà A tư vấn về đợt khuyến mãi của nhà máy xi măng Sông Gianh là mua 10 tấn được tặng 01 tấn với điều kiện phải thanh toán tiền 01 lần. Ông đồng ý thông qua bà A, mua 65 tấn xi măng với giá

84.500.000đ và chuyển tiền cho bà A 50.000.000đ vào ngày 27/02/2020, thống nhất nhận hàng vào ngày 19/3/2020.

Tiếp đến, ngày 14/3/2020 ông đặt mua của bà A 42.000 viên gạch Đại Hưng với giá 50.400.000đ (1.200đ/viên) và ông có chuyển cho bà A 02 lần với số tiền lần lượt là 50.000.000đ và 22.000.000đ cho bà A. Tổng số tiền ông đã chuyển cho bà A là 122.000.000đ. Sau khi nhận tiền cho đến nay bà A chỉ giao cho ông được 1.300 viên gạch Đại Hưng với tổng giá trị là 15.600.000đ và còn nợ ông số tiền 106.400.000đ. Mặc dù đã nhiều lần liên hệ để yêu cầu trả lại số tiền này nhưng bà A không trả. Do đó ông khởi kiện yêu cầu bà A thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông.

Về số tiền buộc bà A phải trả, ông T cho rằng dựa vào số tiền ông chuyển cho bà A là 122.000.000đ, căn cứ vào giá bán gạch đã thỏa thuận thì bà A chỉ giao cho ông được 1.300 viên gạch Đại Hưng tổng giá trị là 15.600.000đ. Theo đó bà A còn nợ ông số tiền 106.400.000đ. Tuy nhiên khi làm đơn khởi kiện do tính toán sai nên ông chỉ khởi kiện đòi số tiền 105.300.000đ. Đây là sai sót do tính toán và theo quy định về phạm vi khởi kiện, ông chỉ đề nghị bà A thực hiện nghĩa vụ trả lại số tiền đúng bằng số tiền ông đề cập tại đơn khởi kiện mà Tòa án đã thụ lý là 105.300.000đ.

\* Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng cho bà Phan Thị A theo địa chỉ đường O, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, chồng bà A là ông Trương Thanh G nhận thay văn bản tố tụng để giao lại cho bà A nhưng bà không có bất kỳ phản hồi nào và cũng không đến Tòa án tham gia hòa giải.

\* Tại biên bản xác minh ngày 11/10/2021 thể hiện bà Phan Thị A có đăng ký tạm trú và hiện đang sinh sống cùng chồng là ông Trương Thanh G tại địa chỉ đường O, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Kết quả sao kê tại Ngân hàng TMCP S đối với số tài khoản 040031869236 đứng tên Phan Thị A thể hiện vào ngày 14/3/2020 phát sinh 02 giao dịch nhận chuyển khoản từ người chuyển là NGUYEN DOAN T, số tiền lần lượt là 50.000.000đ và 22.000.000đ. Ngày 27/02/2020 số tiền nhận chuyển khoản là 50.000.000đ;

\* Tại phiên xét xử ngày 11/11/2021 Tòa án đã tạm ngưng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ. Tại biên bản ghi lời khai và đơn trình bày ngày 17/11/2021 bà Phan Thị A xác nhận bà có hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại đường O, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng và đã được nhận các thông báo về vụ án nhưng vì lý do dịch bệnh và đang nuôi con nhỏ nên bà không tham gia các phiên họp, hòa giải được. Đối với nội dung khởi kiện của ông T, bà thống nhất thừa nhận có nhận tiền ông T để bán vật liệu xây dựng, quan hệ mua bán là giữa cá nhân bà với ông T. Hiện nay bà còn nợ ông T số tiền

105.300.000đ nhưng do việc làm ăn gặp khó khăn nên khi nào có điều kiện bà sẽ trả cho ông T, ngoài ra bà đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng về thẩm quyền, quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các bước thủ tục tố tụng, đảm bảo để các bên đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền của mình. Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án là đảm bảo về mặt thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Doãn T đã được Tòa án thụ lý, căn cứ vào nội dung trình bày của bà Phan Thị A về số tiền nợ. Tại phiên tòa ông Nguyễn Doãn T xác định do tính toán sai sót nên ông khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị A phải trả 105.300.000đ thay vì 106.400.000đ. Nội dung này bà A cũng thừa nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, tuyên buộc bà Phan Thị A phải trả cho ông Nguyễn Doãn T số tiền 105.300.000đ như đơn khởi kiện.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Qua xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu, yêu cầu của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về các vấn đề của vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền phát sinh từ giao dịch dân sự. Bị đơn Phan Thị A có địa chỉ cư trú tại đường O, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng nên căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về mặt thẩm quyền.

[1.2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa sơ thẩm hôm nay, gửi đầy đủ các văn bản tố tụng cho các bên đương sự, tiến hành các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải để các bên đương sự thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trước thời điểm mở phiên tòa, bị đơn không có phản hồi về vụ án nhưng sau khi tạm ngưng phiên tòa, Tòa án triệu tập tiến hành lấy lời khai, bị đơn đã có ý kiến trình bày về vụ án đồng thời xin được giải quyết vắng mặt. Do đó phần thủ tục là hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án thì thấy rằng: Việc mua bán vật liệu xây dựng giữa ông Nguyễn Doãn T và bà Phan Thị A là dựa trên sự tự nguyện về ý chí giữa các chủ thể

trong quan hệ pháp luật, phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, thỏa mãn điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự nên ràng buộc trách nhiệm giữa các bên. Bà Phan Thị A đã nhận tiền nhưng không chuyển đủ vật liệu xây dựng cho ông T là vi phạm nghĩa vụ đã giao kết. Nay ông T khởi kiện yêu cầu bà A trả lại số tiền 105.300.000đ là có cơ sở xem xét.

Bị đơn Phan Thị A có đơn trình bày, lời khai thừa nhận đúng số tiền hiện còn nợ của ông T là 105.300.000đ như ông T nêu tại đơn khởi kiện. Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay đã hơn 08 tháng nhưng bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ cho nguyên đơn. Do đó, căn cứ Điều 278; Điều 280 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Doãn T buộc bà Phan Thị A phải trả số tiền còn nợ do việc mua bán vật liệu xây dựng là 105.300.000đ.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Căn cứ vào:** khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 274; Điều 275; Điều 278; Điều 280; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Doãn T đối với bà Phan Thị A;

#### **\* Xử:**

**1/ Buộc** bà Phan Thị A phải trả cho ông Nguyễn Doãn T số tiền 105.300.000đ (*Một trăm lẻ năm triệu ba trăm ngàn đồng*)

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

**2/ Về án phí:** Buộc bà Phan Thị A phải chịu 5.265.000đ (*Năm triệu hai trăm sáu mươi lăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Doãn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.632.500đ (*Hai triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn năm trăm*

đồng) theo biên lai thu số 0005310 ngày 18/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

**3/ Về quyền kháng cáo:** Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản sao bản án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND quận Hải Châu;
- Dương sự;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Đoàn Công Quốc**